TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**108/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 16/9/2025
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Nịnh Thị B và anh Đặng Văn Ng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Diệu Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nịnh Thị B, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Tuyên Quang (trước đây là thôn H, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn Ng, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, tỉnh Tuyên Quang (trước đây là thôn Tr, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

(Chị B có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, anh Ng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nịnh Thị B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Đặng Văn Ng có quan hệ hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 08/11/2011. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại thôn Tr, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Tr, xã Th, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa

thuận, đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thành, tình cảm ngày càng rạn nứt, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng căng thẳng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn Ng theo quy định của pháp luật, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- *Về con chung*: Chị và anh Đặng Văn Ng có 02 con chung là cháu Đặng Văn Ng1, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Đặng Thị Ả, sinh ngày 09/11/2010; hiện nay hai cháu đang ở với anh Ng; sau khi ly hôn chị đồng ý để anh Đặng Văn Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi; chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ng số tiền 1.000.000đ/cháu/tháng, cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Chị Nịnh Thị B xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Đặng Văn Ng đến để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đặng Văn Ng đều không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Hà Minh T, trưởng thôn Tr, xã Th; xác minh đối với ông Đặng Văn C là bố đẻ của anh Đặng Văn Ng. Qua xác minh ông Đặng Văn C cho biết, anh Đặng Văn Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Tr, xã Th, tỉnh Tuyên Quang) nhưng hiện tại anh Ng đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, anh Ng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Chị B và anh Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đều đi làm ăn xa không tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt xa cách, sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Đại diện thôn và gia đình ông Đặng Văn C đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu của Tòa án và thông báo cho anh Ng biết, anh Ng đã biết chị B khởi kiện ly hôn, tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh hiện tại anh đang đi làm ăn xa, nên không thể về Tòa án giải quyết được, ý kiến của anh Ng nhất trí ly hôn chị B. Về con chung, chị B và anh Ng có 02 con chung là cháu Đặng Văn Ng1, sinh ngày 20/04/2009 và cháu Đặng Thị Ả, sinh ngày 09/11/2010; hiện nay cả hai cháu đang sống cùng ông C và anh Ng, anh Ng đi làm ăn xa ở Quảng Ninh nhưng thường xuyên gửi tiền về để chi phí sinh hoạt gia

đình, chăm lo cho các cháu được học tập đầy đủ, đảm bảo cuộc sống gia đình; ông đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh Ng được trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản, đất đai, vay nợ chung, ông C không có ý kiến gì. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Ng1 và cháu Ả, ý kiến của các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố Đặng Văn Ng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nịnh Thị B được ly hôn với anh Đặng Văn Ng.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đặng Văn Ng1, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Đặng Thị Ả, sinh ngày 09/11/2010 cho anh Đặng Văn Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đề nghị buộc chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đặng Văn Ng mỗi tháng 1.000.000đ/cháu/tháng.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nịnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh Đặng Văn Ng không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của các đương sự, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nịnh Thị B và anh Đặng Văn Ng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 08/11/2011, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Ng là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Ng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng căng thẳng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc và tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị Nịnh Thị B được ly hôn với chị Đặng Văn Ng.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị B và anh Ng có 02 con chung là cháu Đặng Văn Ng1, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Đặng Thị Ả, sinh ngày 09/11/2010; hiện nay hai cháu đang ở với anh Ng; tại biên bản lấy ý kiến con chung, cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với anh Ng khi bố mẹ ly hôn, do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như ý kiến của chị B và anh Ng. Xét thấy anh Ng có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên cần giao cho anh Đặng Văn Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi; chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ng 1.000.000đ/01 cháu/tháng, cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng là phù hợp.

[3] *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn Ng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị B và anh Ng, cũng như đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với quy định của pháp luật. Các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt. Tại phiên toà chị Nịnh Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[5] *Về án phí*: Chị Nịnh Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh Đặng Văn Ng không phải nộp án phí.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nịnh Thị B.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nịnh Thị B được ly hôn với anh Đặng Văn Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 08 tháng 11 năm 2011 cho chị Nịnh Thị B và anh Đặng Văn Ng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đặng Văn Ng1, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Đặng Thị Ả, sinh ngày 09/11/2010 cho anh Đặng Văn Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nịnh Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng/cháu (cả 02 cháu là 2.000.000đ/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng một lần, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đặng Văn Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nịnh Thị B chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Nịnh Thị B phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Nịnh Thị B phải nộp là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 39 ngày 10/03/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia). Chị Nịnh Thị B còn phải nộp tiếp số tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Ang Đặng Văn Ng không phải nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSNDKV2 -Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Th (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM **THẨM PHÁN**

Hoàng Văn Thanh **Nguyễn Văn Hiếu** **Hoàng Cao Tiến**